

Số: 27/6/BC-SLĐTBXH

Quảng Trị, ngày 10 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020
(Tài liệu làm việc với Ban Văn hóa Xã hội - Hội đồng nhân dân tỉnh)

Thực hiện Kế hoạch số 32/KH-HĐND, ngày 29/8/2017 của HĐND tỉnh về việc giám sát thực hiện Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo như sau:

I. Công tác triển khai Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020

1. Công tác chỉ đạo, triển khai của Trung ương

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 về chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020. Theo đó, tiêu chí và chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 được quy định cụ thể như sau:

*** Các tiêu chí tiếp cận đo lường nghèo đa chiều:**

- Tiêu chí về thu nhập:

+ Chuẩn nghèo: từ 700.000 đồng/người/tháng trở xuống ở khu vực nông thôn và từ 900.000 đồng/người/tháng trở xuống ở khu vực thành thị.

+ Chuẩn cận nghèo: từ 1.000.000 đồng/người/tháng trở xuống ở khu vực nông thôn và từ 1.300.000 đồng/người/tháng trở xuống ở khu vực thành thị.

- Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản:

+ Các dịch vụ xã hội cơ bản (05 dịch vụ): y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh; thông tin.

+ Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (10 chỉ số) bao gồm: tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

*** Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo:**

- **Hộ nghèo khu vực nông thôn:** là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống;

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- **Hộ nghèo khu vực thành thị:** là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống;
+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiết hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- **Hộ cận nghèo khu vực nông thôn:** là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiết hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- **Hộ cận nghèo khu vực thành thị:** là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiết hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội đã ban hành Công văn số 4789/BLĐTBXH-VPGN, ngày 23/11/2015 về việc hướng dẫn tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều năm 2015; Thông tư số 17/2016/TT- BLĐTBXH, ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

2. Công tác triển khai, hướng dẫn của địa phương

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương về triển khai thực hiện Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020. Từ năm 2015 đến nay (tháng 10/2017), ở tỉnh Quảng Trị đã tổ chức 02 đợt điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, đó là: (i) Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2015; (ii) Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016.

*** Cấp tỉnh:**

- Sở Lao động- TB&XH đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều trên địa bàn tỉnh như:

+ Kế hoạch số 4706/KH-UBND ngày 01/12/2015; Kế hoạch số 3929/KH-UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh về tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

+ Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 30/11/2015; Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo tổng điều tra, rà soát hộ nghèo tỉnh và phân công các thành viên Ban chỉ đạo phụ trách chỉ đạo, theo dõi tại địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Sở Lao động- TB&XH chủ trì, phối với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai, hướng dẫn thực hiện như sau:

+ Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch và hướng dẫn nghiệp vụ tổng điều tra hộ nghèo cho các thành viên Ban chỉ đạo tỉnh, Ban chỉ đạo cấp huyện và một số xã, phường thí điểm.

+ Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tập huấn hướng dẫn về nghiệp vụ tổng điều tra hộ nghèo cho các thành viên Ban chỉ đạo tổng điều tra hộ nghèo cấp huyện, Ban chỉ đạo tổng điều tra cấp xã.

+ Chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh phát thanh trực tiếp trên hệ thống phát thanh của tỉnh để tuyên truyền về đợt tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo mới.

+ Tổ chức cuộc họp của Ban chỉ đạo mở rộng để báo cáo nhanh về tình hình triển khai thực hiện tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng hợp sơ bộ kết quả số liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các địa phương trong quá trình tổng điều tra.

+ Trên cơ sở kết quả cuộc họp của Ban chỉ đạo, Sở Lao động TB&XH đã ban hành văn bản hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục chỉ đạo, thực hiện tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. Theo đó, các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các Đoàn kiểm tra, phúc tra kết quả điều tra tại một số xã, phường, thị trấn có tỷ lệ hộ nghèo chưa phù hợp với thực tế điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho toàn thể nhân dân biết về mục đích, ý nghĩa và nội dung về đợt tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo; chỉ đạo, hướng dẫn lập danh sách các hộ có khả năng nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo mới, để đưa vào diện điều tra theo chuẩn nghèo mới, tránh trường hợp bỏ sót hộ có khả năng nghèo, cận nghèo, nhưng không được đưa vào tổng điều tra.

* **Cấp huyện:** Phòng Lao động - TB&XH các huyện, thị xã, thành phố đã tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch về Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo mới tiếp cận đa chiều trên địa bàn; tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Tổng điều tra hộ nghèo và phân công các thành viên phụ trách chỉ đạo, theo dõi tại địa bàn các xã, phường, thị trấn. Phòng Lao động- TB&XH đã tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ điều tra.

* **Cấp xã:** Các xã, phường, thị trấn đã ban hành Kế hoạch Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã, phường, thị trấn. Thành lập BCD Tổng điều tra cấp xã. Công tác tuyên truyền về đợt tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn mới tiếp cận đa chiều đã được BCD các xã, phường, thị trấn triển khai thông qua hệ thống phát thanh ở thôn, bản, khu phố và qua họp thôn/xóm, tổ dân cư để phổ biến và tuyên truyền cho nhân dân.

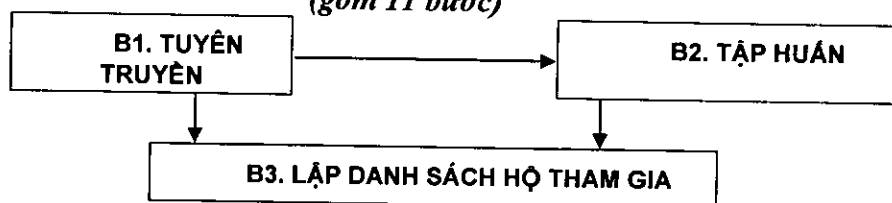
II. Kết quả thực hiện

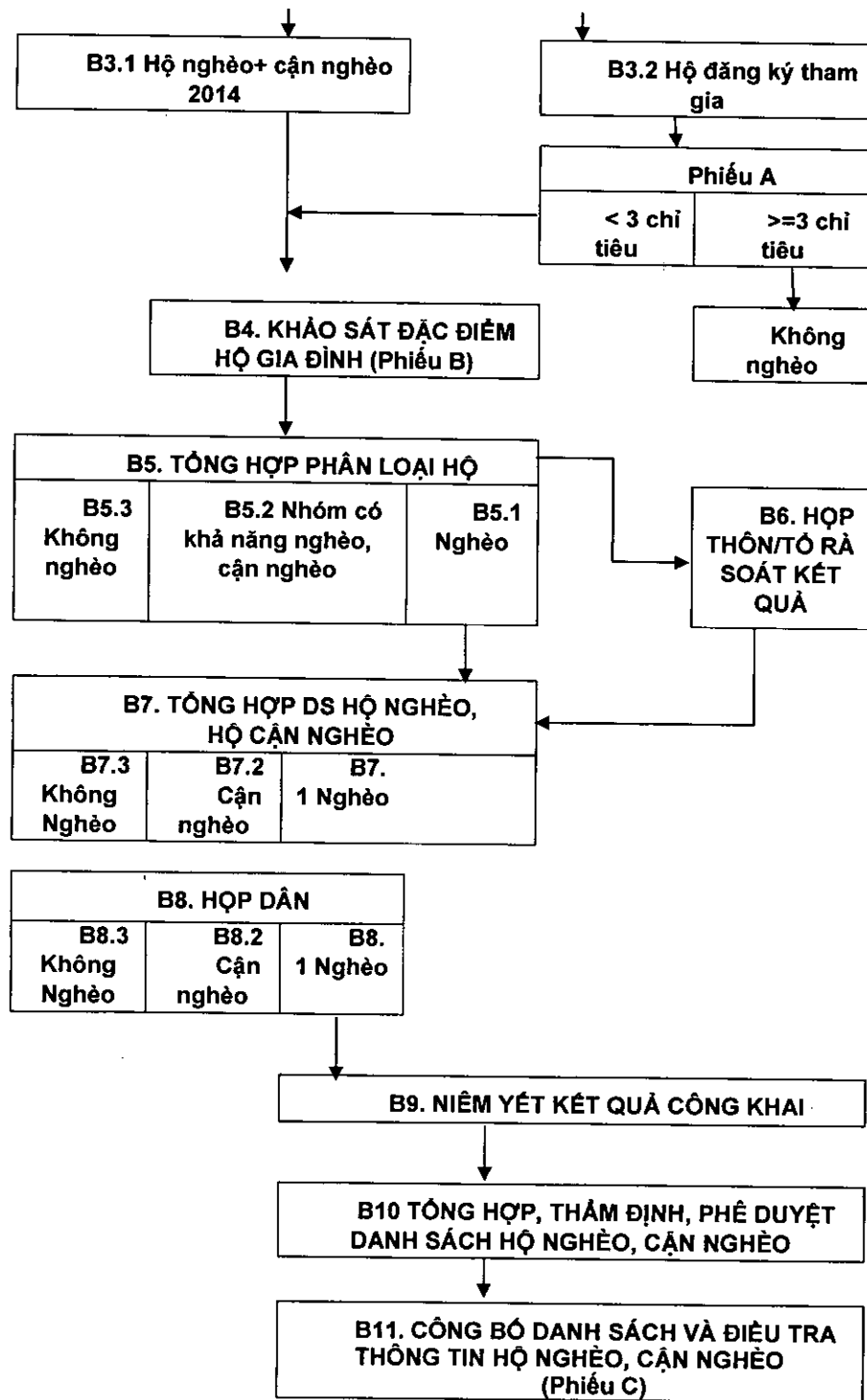
1. Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

1.1. Quy trình tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015:

Quy trình, phương pháp, bộ công cụ tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động- TB&XH tại Công văn số 4789/BLĐTBXH-VPGN, ngày 23/11/2015 về việc hướng dẫn tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều năm 2015.

Sơ đồ quy trình tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 (gồm 11 bước)





1.2. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm - năm 2016

Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 theo quy định tại Thông tư số 17/2016/T-BLĐTBXH được thực hiện theo 07 bước như sau:

- Bước 1. Xác định, lập danh sách các hộ gia đình cần rà soát
- Bước 2. Tổ chức rà soát, lập danh sách phân loại hộ gia đình
 - a) Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo qua rà soát.
 - b) Danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.
- Bước 3. Tổ chức họp dân thống nhất kết quả rà soát

Bước 4. Niêm yết công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.

Bước 5. Báo cáo, xin ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Bước 6. Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn

Bước 7. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

2. Kết quả số liệu tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

2.1. Kết quả số liệu tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 584/QĐ-UBND, ngày 28/3/2016 của UBND tỉnh), cụ thể như sau:

*** Số lượng, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều:**

- Tổng số hộ dân cư trên địa bàn tỉnh: 159.320 hộ, trong đó: 16.149 hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổng số hộ nghèo: 24.579 hộ, chiếm tỷ lệ 15,43 %. Trong đó:

+ Hộ nghèo ở khu vực Thành thị: 3.081 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo: 6,76%;

+ Hộ nghèo ở khu vực Nông thôn: 21.498 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo: 18,90%.

+ Hộ nghèo từ hộ nghèo cũ: 13.592 hộ, chiếm tỷ lệ: 55,30%.

+ Hộ nghèo từ hộ cận nghèo cũ: 4.475 hộ, chiếm tỷ lệ: 18,21%.

+ Hộ nghèo mới phát sinh: 6.512 hộ, chiếm tỷ lệ: 26,49%.

- Tổng số hộ cận nghèo: 11.319 hộ, chiếm tỷ lệ 7,10%. Trong đó:

+ Hộ cận nghèo ở khu vực Thành thị: 2.854 hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo: 6,26%;

+ Hộ cận nghèo ở khu vực Nông thôn: 8.465 hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo: 7,44%.

+ Hộ cận nghèo từ hộ cận nghèo cũ: 6.501 hộ, chiếm tỷ lệ: 57,43%.

+ Hộ cận nghèo mới phát sinh: 4.818 hộ, chiếm tỷ lệ: 42,57%.

*** Phân tích hộ nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:**
Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh: 24.579 hộ nghèo, trong đó:

- Thiếu hụt về chỉ số Tiếp cận dịch vụ Y tế: 1.341 hộ, chiếm tỷ lệ 5,46% so với tổng số hộ nghèo.

- Thiếu hụt về chỉ số Bảo hiểm y tế: 7.226 hộ, chiếm tỷ lệ 29,40% so với tổng số hộ nghèo.

- Thiếu hụt về chỉ số Giáo dục trình độ người lớn: 6.226 hộ, chiếm tỷ lệ 25,33% so với tổng số hộ nghèo.

- Thiếu hụt về chỉ số Tình trạng đi học của trẻ em: 1.962 hộ, chiếm tỷ lệ 7,98% so với tổng số hộ nghèo.

- Thiếu hụt về chỉ số Chất lượng nhà ở: 10.064 hộ, chiếm tỷ lệ 40,95% so với tổng số hộ nghèo.

- Thiếu hụt về chỉ số Diện tích nhà ở: 12.033 hộ, chiếm tỷ lệ 48,96% so với tổng số hộ nghèo.

- Thiếu hụt về chỉ số Nguồn nước sinh hoạt: 8.609 hộ, chiếm tỷ lệ 35,03% so với tổng số hộ nghèo.

- Thiếu hụt về chỉ số Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: 15.992 hộ, chiếm tỷ lệ 65,06% so với tổng số hộ nghèo.

- Thiếu hụt về chỉ số Sử dụng dịch vụ viễn thông: 9.357 hộ, chiếm tỷ lệ 38,07% so với tổng số hộ nghèo.

- Thiếu hụt về chỉ số Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: 4.639 hộ, chiếm tỷ lệ 18,87% so với tổng số hộ nghèo.

*** Phân tích hộ nghèo theo các nhóm đối tượng:** Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh: 24.579 hộ nghèo, trong đó:

- Số hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số: 11.138 hộ; chiếm tỷ lệ 45,32% so với tổng số hộ nghèo.

- Số hộ nghèo thuộc diện chính sách bảo trợ xã hội: 3.077 hộ; chiếm tỷ lệ 12,52% so với tổng số hộ nghèo.

- Số hộ nghèo thuộc diện chính sách người có công: 1.621 hộ; chiếm tỷ lệ 7,54% so với tổng số hộ nghèo.

2.2. Kết quả số liệu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (đã được phê duyệt tại Quyết định số 215/QĐ-UBND, ngày 06/2/2017 của UBND tỉnh):

*** Số lượng, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều:**

- Tổng số hộ dân cư trên địa bàn tỉnh: 165.379 hộ, trong đó: 17.131 hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổng số hộ nghèo: 22.313 hộ, chiếm tỷ lệ 13,49 %. Trong đó:

+ Hộ nghèo ở khu vực Thành thị: 2.769 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo: 5,87%;

+ Hộ nghèo ở khu vực Nông thôn: 19.544 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo: 16,54%.

+ Số hộ thoát nghèo: 3.750 hộ, chiếm tỷ lệ: 15,26% so với tổng số hộ nghèo.

+ Số hộ tái nghèo: 239 hộ, chiếm tỷ lệ: 1,07% so với tổng số hộ nghèo.

+ Số hộ nghèo mới phát sinh: 1.254 hộ, chiếm tỷ lệ: 5,62% so với tổng số hộ nghèo.

- Tổng số hộ cận nghèo: 12.001 hộ, chiếm tỷ lệ 7,26%. Trong đó:

+ Hộ cận nghèo ở khu vực Thành thị: 3.010 hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo: 6,38%;

+ Hộ cận nghèo ở khu vực Nông thôn: 8.991 hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo: 7,61%.

+ Số hộ thoát cận nghèo: 3.317 hộ, chiếm tỷ lệ: 29,30% so với tổng số hộ cận nghèo.

+ Số hộ cận nghèo xuống hộ nghèo: 422 hộ, chiếm tỷ lệ: 3,52% so với tổng số hộ cận nghèo.

+ Số hộ tái cận nghèo: 2.961 hộ, chiếm tỷ lệ: 24,67% so với tổng số hộ cận nghèo.

*** Phân tích hộ nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:** Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh: 22.313 hộ nghèo, trong đó:

- Thiếu hụt về chỉ số Tiếp cận dịch vụ Y tế: 1.348 hộ, chiếm tỷ lệ 6,04% so với tổng số hộ nghèo.

- Thiếu hụt về chỉ số Bảo hiểm y tế: 4.764 hộ, chiếm tỷ lệ 21,35% so với tổng số hộ nghèo.
- Thiếu hụt về chỉ số Giáo dục trình độ người lớn: 5.543 hộ, chiếm tỷ lệ 24,84% so với tổng số hộ nghèo.
- Thiếu hụt về chỉ số Tình trạng đi học của trẻ em: 1.715 hộ, chiếm tỷ lệ 7,69% so với tổng số hộ nghèo.
- Thiếu hụt về chỉ số Chất lượng nhà ở: 9.436 hộ, chiếm tỷ lệ 42,29% so với tổng số hộ nghèo.
- Thiếu hụt về chỉ số Diện tích nhà ở: 11.468 hộ, chiếm tỷ lệ 51,40% so với tổng số hộ nghèo.
- Thiếu hụt về chỉ số Nguồn nước sinh hoạt: 8.197 hộ, chiếm tỷ lệ 36,74% so với tổng số hộ nghèo.
- Thiếu hụt về chỉ số Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: 14.001 hộ, chiếm tỷ lệ 62,75% so với tổng số hộ nghèo.
- Thiếu hụt về chỉ số Sử dụng dịch vụ viễn thông: 8.567 hộ, chiếm tỷ lệ 38,39% so với tổng số hộ nghèo.
- Thiếu hụt về chỉ số Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: 4.408 hộ, chiếm tỷ lệ 19,76% so với tổng số hộ nghèo.

*** Phân tích hộ nghèo theo các nhóm đối tượng:** Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh: 22.313 hộ nghèo, trong đó:

- Số hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số: 11.283 hộ; chiếm tỷ lệ 50,57% so với tổng số hộ nghèo.
- Số hộ nghèo thuộc diện chính sách bảo trợ xã hội: 4.857 hộ; chiếm tỷ lệ 21,77% so với tổng số hộ nghèo.
- Số hộ nghèo thuộc diện chính sách người có công: 911 hộ; chiếm tỷ lệ 4,08% so với tổng số hộ nghèo.

3. Kinh phí thực hiện:

*** Đối với đợt Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015:**

Kinh phí của Bộ Lao động- TB&XH hỗ trợ cho tỉnh Quảng Trị là 1.076.722.000 đồng (Một tỷ, không trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng) để thực hiện Tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 (thông qua Hợp đồng giao khoán công việc số 92-QT/HĐGK-SASSP-SLĐTBXH ngày 27/11/2015 của Ban quản lý dự án "Tăng cường hệ thống trợ giúp xã Việt Nam"- Bộ Lao động- TB&XH và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Trị). Theo đó, Sở Lao động- TB&XH đã phân bổ kinh phí về các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện đợt tổng điều tra.

*** Đối với đợt Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016:**

Thông tư số 17/2016/TT- BLĐTBXH, ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động- TB&XH quy định: "Kinh phí thực hiện tổ chức rà soát hộ nghèo, cận nghèo hằng năm và cập nhật cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn do ngân sách địa phương bố trí theo quy định về chế độ tài chính hiện hành". Theo đó, UBND tỉnh đã giao UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí, đảm bảo từ ngân sách địa phương và thực hiện theo chế độ tài chính quy định hiện hành để tổ chức rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2016 của từng địa phương.

Năm 2016, UBND các huyện, thị xã, thành phố cấp kinh phí để thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo như: huyện Hướng Hóa: 60 triệu đồng; huyện

Dakrông: 93,3 triệu đồng; huyện Vĩnh Linh: 50 triệu đồng; huyện Gio Linh: 131,5 triệu đồng; huyện Hải Lăng: 50 triệu đồng; huyện Triệu Phong: 150 triệu đồng; huyện Cam Lộ: 32,7 triệu đồng; thị xã Quảng Trị: 32 triệu đồng; thành phố Đông Hà: 131,1 triệu đồng.

4. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trong 02 năm qua (2016-2017).

- Tham mưu Ban cán sự Đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 07/CT-TU ngày 22/6/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016-2020.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2553/QĐ-UBND, ngày 19/10/2016 về Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2016- 2020;

- Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2017- 2020 trên địa bàn.

- Tổ chức phối hợp với các Đoàn thể nhân dân (Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn Quảng Trị) ký kết Chương trình phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2017- 2020. Theo đó, thống nhất về chỉ tiêu giảm hộ nghèo qua từng năm và cả giai đoạn 2017- 2020 và đề ra nội dung các hoạt động phối hợp liên ngành để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập hộ gia đình để vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác giảm nghèo bền vững tại các địa phương. Tham mưu Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh phân công các thành viên BCD theo dõi, kiểm tra và giám sát công tác giảm nghèo tại các huyện, thị xã, thành phố. Hướng dẫn Ban chỉ đạo Chương trình giảm nghèo các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác giảm nghèo và đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát công tác giảm nghèo tại các xã, phường, thị trấn.

5. Đánh giá những ưu điểm; hạn chế, khó khăn và nguyên nhân:

5.1. Ưu điểm:

*** Về tổ chức thực hiện:**

- Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp; sự tham gia, phối hợp thực hiện của cả hệ thống chính trị các cấp và đồng thuận và tham gia ủng hộ của nhân dân trên địa bàn tỉnh, do đó công tác tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành tốt, đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu và tiến độ đề ra; đã xác định và lập được danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều năm 2015 và năm 2016.

- Việc triển khai kế hoạch tổng điều tra năm 2015 và kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 trên địa bàn tỉnh đã thực hiện đúng phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát theo hướng dẫn của cấp trên. Công tác chỉ đạo, điều hành được thống nhất từ tỉnh, huyện đến xã, thôn, bản, khu phố. Quá trình tổ chức thực hiện đã phát huy được trách nhiệm của các Ban ngành, Mặt trận và các

Đoàn thể trong hệ thống chính trị, phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng cấp, từng thành viên Ban chỉ đạo. Nhìn chung về cơ bản kết quả số liệu điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh đã phản ánh đúng tình hình, thực trạng nghèo của địa phương.

- Kết quả số liệu tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 và kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 đã được UBND tỉnh và Bộ Lao động-TB&XH phê duyệt và đó là dữ liệu làm cơ sở để các Sở, ban ngành liên quan và chính quyền địa phương các cấp xây dựng kế hoạch, đề ra nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo, thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo chính sách an sinh xã hội trong những năm qua trên địa bàn tỉnh.

*** Về phương pháp và bộ công cụ điều tra, rà soát:**

Phương pháp, bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều là thông qua việc đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập của hộ gia đình và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (như: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin) để từ đó làm cơ sở cho việc xác định, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo. Phương pháp đo lường nghèo đa chiều là cách tiếp cận mới, đã hạn chế việc bỏ sót những đối tượng tuy không nghèo về thu nhập, nhưng lại nghèo do thiếu hụt việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản khác.

Với phương pháp, bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều này có ưu điểm là khắc phục việc “cảm tính” trong xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo cũ đơn chiều của giai đoạn 2011-2015. Mặt khác, việc đánh giá, chấm điểm dựa theo các tiêu chí cụ thể, rõ ràng và minh bạch, do đó cán bộ làm công tác điều tra, rà soát thực hiện thuận lợi, dễ dàng hơn và người dân cũng có thể giám sát trực tiếp và thực hiện đánh giá hộ nghèo trong cộng đồng.

5.2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:

*** Về tổ chức thực hiện:**

Quá trình thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh theo phương pháp tiếp cận đa chiều còn gặp những hạn chế, khó khăn như:

- Năm 2015 là năm đầu tiên tiếp cận về quy trình, phương pháp và bộ công cụ tổng điều tra theo phương pháp đa chiều và có nhiều biểu mẫu điều tra phức tạp, thu thập nhiều thông tin, nên điều tra viên gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong quá trình thực hiện.

- Còn tình trạng tách hộ, nhất là con tách bố mẹ già ra ở riêng, hộ khẩu riêng nhằm để được hộ nghèo. Tư tưởng muốn được vào diện hộ nghèo để hưởng chính sách còn phổ biến, do đó còn có một số hộ gia đình cố tình kê khai không trung thực về điều kiện sống và tài sản sử dụng, dẫn đến điều tra viên gặp không ít khó khăn trong quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Trong đợt tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 ở một số nơi chưa đảm bảo theo đúng quy trình, chưa chặt chẽ, tính chính xác chưa cao. Do đó vẫn tồn tại một tỷ lệ nhất định về sai sót trong việc xác định hộ nghèo, điều này thể hiện ở chỗ những địa phương khi có các Đoàn cấp trên phúc tra đều có thay đổi theo hướng giảm tỷ lệ hộ nghèo.

- Một số xã ở vùng miền núi có số lượng tổng số hộ điều tra, rà soát hàng năm nhiều, địa bàn rộng, hệ thống giao thông từ trung tâm xã đến một số thôn, bản không thuận lợi, nên việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm còn gặp nhiều khó khăn.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí kinh phí phục vụ cho công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo còn hạn hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu và khối lượng công việc, việc bố trí kinh phí hàng năm còn phụ thuộc điều kiện ngân sách của từng địa phương.

*** Về phương pháp và bộ công cụ điều tra, rà soát:**

Bộ công cụ điều tra, rà soát được thể hiện qua “Phiếu khảo sát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo” (Phiếu B) được thiết kế riêng cho 7 vùng, miền khác nhau trong cả nước. Phiếu này chia làm 2 phần: Nhóm chỉ tiêu ước tính thu nhập hộ và Nhóm là chỉ tiêu về các nhu cầu xã hội cơ bản. Tuy nhiên, vẫn còn một số bất cập, chưa hợp lý ở thang điểm đánh giá ở một số tiêu chí ở Phiếu điều tra để xác định mức thu nhập của hộ gia đình:

- Theo quy định có một số phường, thị trấn được xếp vào khu vực thành thị, nhưng có một số hộ dân làm nghề chủ yếu là sản xuất nông nghiệp như: các phường Đông Giang, Đông Thanh, Đông Lương (thành phố Đông Hà), phường An Đôn (thị xã Quảng Trị), các thị trấn thuộc huyện. Nguồn thu nhập chính của hộ dân là từ sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi), nhưng khi tính điểm ở Phiếu B của Khu vực thành thị lại không đưa tiêu chí đất đai và chăn nuôi vào tính thu nhập trong quá trình xác định hộ nghèo. Đây là điểm còn bất cập, không công bằng trong xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Bộ công cụ điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo còn thiếu các tiêu chí thu thập thông tin trong biểu mẫu điều tra như: máy cày, máy bừa, máy gặt... ở vùng đồng bằng hoặc các tài sản lớn về gỗ; đàn trâu, bò, trang trại vùng gò đồi, vùng miền núi, nên việc chấm điểm chưa thực sự chính xác.

- Với cách tính điểm dựa trên tình trạng tài sản và điều kiện sống của hộ gia đình để quy ra mức thu nhập, từ đó xác định hộ nghèo. Điều này đã tạo ra một bộ phận nhỏ người dân có thái độ trông chờ, y lại vào các chính sách của nhà nước, không cố gắng thoát nghèo bằng cách không mua sắm các tài sản trong nhà như: tivi, xe máy..., nên khi chấm điểm hộ đó vẫn rơi vào diện hộ nghèo, trong khi hộ đó vẫn đủ điều kiện mà không muốn mua sắm tài sản.

Với những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn nêu trên, Sở Lao động - TB và XH đã có phản ánh, kiến nghị với Bộ Lao động - TB và XH xem xét có những quy định, hướng dẫn bổ sung chi tiết và cụ thể hơn, đồng thời chỉnh sửa bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm được hoàn thiện hơn.

6. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững trong thời gian tới

6.1. Mục tiêu: Phấn đấu hàng năm, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 1,5-2,0% (tương ứng giảm 2.600 hộ nghèo/năm).

6.2. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân để thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo bền vững. Thực hiện có hiệu quả chương trình phối hợp giữa cơ quan thường trực Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững và các đoàn thể nhân

dân các cấp (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên) trong việc thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh, đa dạng hóa về hình thức và nội dung trong công tác thông tin, truyền truyền về công tác giảm nghèo bền vững, nhằm nâng cao nhận thức cho người nghèo hiểu được trách nhiệm của mình để tự lực vượt khó, vươn lên thoát nghèo.

- Nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, tạo điều kiện hộ nghèo vươn lên thoát nghèo và hạn chế tình trạng tái nghèo:

+ Tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế, tích cực tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tích tụ ruộng đất để xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Tích cực cải thiện môi trường đầu tư, có các chính sách hấp dẫn để thu hút một số nhà đầu tư chiến lược vào đầu tư sản xuất, kinh doanh tại địa phương nhằm giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

+ Thực hiện có hiệu quả các chính sách như: Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; Chính sách hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo, nâng cao hiệu quả công tác dạy nghề, gắn công tác đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và xã hội, thực hiện tốt kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, thực hiện Chương trình đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu các dự án đầu tư, nhất là các dự án triển khai tại Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ các hoạt động chuyển giao kỹ thuật để hướng dẫn cách làm ăn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; Tăng cường vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội nhằm mở rộng đối tượng cho vay và nâng mức bình quân cho vay trên một hộ, nhằm đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; Đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, áp dụng công nghệ, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh để nâng cao thu nhập cho dân cư nông thôn, trong đó có hộ nghèo, cận nghèo.

- Tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin).

- Phân loại từng nhóm hộ nghèo để có biện pháp giúp đỡ phù hợp cho từng nhóm hộ nghèo như:

+ Đối với nhóm hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội: Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội và vận động cộng đồng, khu dân cư, doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn giúp đỡ để đảm bảo đạt mức sống tối thiểu so với cộng đồng dân cư.

+ Đối với nhóm hộ nghèo có nhân lực, có nhu cầu lao động nhưng do thiếu vốn sản xuất, kinh doanh, thiếu tư liệu sản xuất, thiếu việc làm: Cần tập trung thực hiện hỗ trợ bằng vốn vay ưu đãi gắn với tập huấn khuyến nông- lâm - ngư, lựa chọn mô hình phát triển sản xuất phù hợp điều kiện kinh tế, trình độ, năng lực của hộ nghèo theo hướng sản xuất hàng hóa có thị trường tiêu thụ để sử dụng

đồng vốn có hiệu quả; hỗ trợ tư liệu sản xuất, tạo việc làm để tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo.

+ Đối với nhóm hộ nghèo chây lười lao động, không biết tổ chức cuộc sống, sa vào các tệ nạn, nghiện ngập, ỷ lại, trông chờ: Tăng cường tổ chức các đợt tuyên truyền, giáo dục đối với nhóm hộ này; phân công cán bộ, đảng viên có uy tín cùng phối hợp với bà con, dòng tộc để trực tiếp giúp đỡ, vận động nhằm thay đổi nhận thức và khuyến khích tham gia lao động sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân và gia đình chính mình.

+ Ưu tiên tập trung nguồn lực và các giải pháp để hỗ trợ hộ nghèo thuộc diện chính sách người có công vươn lên thoát nghèo.

- Đa dạng hóa huy động nguồn vốn giảm nghèo: Tiếp tục huy động Quỹ "Ngày vì người nghèo" các cấp trong tỉnh để thực hiện giúp đỡ về phát triển sản xuất và đời sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Huy động và phát huy tối đa nguồn vốn nội lực tại cộng đồng để giảm nghèo, lồng ghép các chương trình, dự án phát triển kinh tế vào thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình giảm nghèo. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở các cấp.

7. Kiến nghị:

7.1. Kiến nghị với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương:

- Kiến nghị với Chính phủ trong thời gian tới cần nghiên cứu, xem xét ban hành chính sách hỗ trợ tập trung, mang tính lâu dài, hiệu quả cho các hộ nghèo, nâng mức hỗ trợ và thay thế các chính sách hỗ trợ manh mún, dàn trải, thiếu tập trung như hiện nay theo hướng chuyển từ chính sách hỗ trợ hoàn toàn cho hộ nghèo sang hình thức hỗ trợ cho vay (không tính lãi) đối với các hộ nghèo hoặc mô hình nhóm hộ nghèo, tạo điều kiện để khuyến khích hộ nghèo có ý thức, trách nhiệm, phát huy nội lực, chủ động vươn lên thoát nghèo.

- Đề nghị Bộ Lao động- TB&XH trình Chính phủ cho chủ trương thống nhất tách nhóm hộ nghèo thuộc diện chính sách bảo trợ xã hội ra khỏi danh sách hộ nghèo. Trên thực tế nhóm hộ nghèo thuộc diện chính sách bảo trợ xã hội chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng số hộ nghèo, nhưng không thể thoát nghèo do trong hộ không có thành viên nào có khả năng lao động để tạo thu nhập. Vì vậy, nên đặt nhóm đối tượng này trong chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên, tách rời khỏi chính sách giảm nghèo, từ đó có cơ sở để thiết kế, xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo một cách có hiệu quả.

- Đề nghị Bộ Lao động- TB&XH điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung Bộ công cụ điều tra hộ nghèo để đảm bảo việc điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều một cách khách quan, chính xác và phù hợp hơn với tình hình thực tế trong thời gian tới theo hướng như sau:

+ Rà soát và rút gọn lại các tiêu chí đánh giá, chấm điểm để công tác điều tra, rà soát ở địa phương thực hiện dễ dàng hơn khi xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Điều chỉnh, sửa đổi về hệ số chấm điểm của các tiêu chí trong Bộ công cụ điều tra còn bất hợp lý, chưa chính xác và công bằng như đã nêu ở trên.

+ Bổ sung thêm các tiêu chí để xác định hộ nghèo, cụ thể như đối với những khoản thu nhập tiềm năng trong tương lai gần (thời gian dưới 6 tháng),

nên quy ra giá trị và ước tính khoảng 30% đưa vào thu nhập của hộ, có như vậy mới phản ánh được thực trạng về nguồn lực của hộ gia đình.

7.2. Kiến nghị với HĐND tỉnh:

- Đề nghị HĐND tỉnh chỉ đạo HĐND, UBND cấp huyện; HĐND, UBND cấp xã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo hằng năm ở địa phương cùng cấp để đảm bảo việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo phản ánh đúng thực trạng đời sống của nhân dân ở địa phương. Đồng thời, chỉ đạo xây dựng kế hoạch giảm nghèo cả giai đoạn và giảm nghèo hằng năm; phân công các đoàn thể nhân dân tích cực vào cuộc để thực hiện mục tiêu giảm nghèo trong hội viên, đoàn viên của mình.

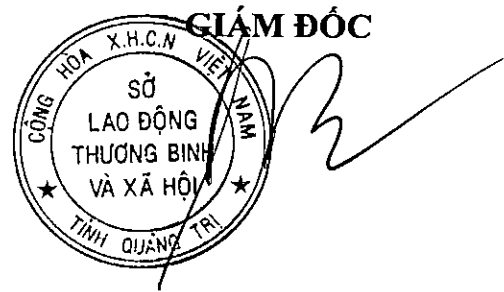
- Đề nghị HĐND tỉnh chỉ đạo HĐND cấp huyện, HĐND cấp xã giám sát việc thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo ở địa phương cùng cấp. Xem kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã.

- Đề nghị HĐND tỉnh chỉ đạo HĐND cấp huyện, HĐND cấp xã có ý kiến với UBND cùng cấp quan tâm cấp kinh phí đầy đủ hơn từ ngân sách địa phương để đảm bảo cho công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm ở địa phương.

Sở Lao động- Thương binh và Xã hội báo cáo ./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Văn hóa- Xã hội, HĐND tỉnh;
- Giám đốc Sở, PGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP Sở, BTXH.
(25 bản)



Phan Văn Linh